

Lê Việt Thường

HÀNG TÍNH CỦA DÂN TỘC VIỆT

Lịch Sử Văn hóa Tây Phương cận đại chứng kiến sự đối đầu giữa một bên là CÁ NHÂN chủ nghĩa (Tu Bản) và bên kia là ĐOÀN LỮ chủ nghĩa (Cộng Sản) đưa tới chiến tranh Ý Thức Hệ. Trong khi đó, cái HÀNG TÍNH nền tảng nhất của Văn hóa VIỆT là đi theo con đường DÂN TỘC nhằm dung HÒA hai CỰC ĐOAN nêu trên. Phương pháp áp dụng là Tôi Luyện con người khỏi những ích kỷ, hẹp hòi nhỏ nhen của Cá Nhân chủ nghĩa để đặt vào môi trường những Công Thể nhỏ đầy ắp Tình Người như Gia Đình, Làng Xã, Đất Nước, trước khi bàn đến Nhân Loại hầu cho ý niệm này một nội dung Huynh Đệ phổ biến chân thực, đồng thời Tránh những Ác Quả của chủ nghĩa Tam Vô của Cộng Sản được che dấu dưới những chiêu bài hoa mỹ về hình thức nhưng rỗng tuếch về nội dung của một thế giới đại đồng Không Tưởng. Câu hỏi được đặt ra ở đây là tuyên dương Hàng Tính của DÂN TỘC có đi ngược lại với xu hướng TOÀN CẦU HÓA ngày nay hay không?

D) CĂN BẢN TRIẾT LÝ CỦA SỰ TRỞ VỀ HÀNG TÍNH CỦA DÂN TỘC VIỆT

A) DÂN TỘC TÍNH VÀ HIỆN TƯỢNG TOÀN CẦU HÓA

Thật ra, Toàn Cầu hóa (Globalization) là hiện tượng mà trình độ kỹ thuật ngày nay cho phép hiện thực giấc mơ con người đã lâu đời ấp ủ: đó là thống nhất nhân loại, thống nhất thế giới thành cảnh tượng ‘Bốn Bể Một Nhà’. Vì nhu cầu thống nhất là một xu hướng tự nhiên, nên khuynh hướng này được bành trướng rộng rãi khắp mọi lãnh vực từ tôn giáo, triết học, chính trị.....đến các sinh hoạt thường ngày.

Tuy nhiên, các mưu định ‘thống nhất thiên hạ’ đến nay hầu hết đều gặp thất bại, mà nguyên nhân có lẽ bắt nguồn từ sự kiện là những người chủ xướng, khi áp dụng nguyên tắc ‘thống nhất ý chí của toàn dân, mọi người’, thay vì theo ý chí chung hay ít nhất ý chí của đa số, họ lại áp đặt ý chí của một cá nhân, một tập đoàn, một ý thức hệ, ‘trên đầu trên cổ’ của toàn dân, của mọi người.(1)

B) THỐNG NHẤT GIẢ TẠO

Đó là lối thống nhất giả tạo và là nét đặc trưng của các chế độ chuyên chế độc tài, luôn luôn muốn san bằng, đồng điệu hóa con người, mà tình trạng nguy hại hơn hết là khi nhà chuyên chế, độc tài bắt tay với ý thức hệ. Lý do là ý thức hệ dựa trên ý niệm, mà ý niệm là hình ảnh của sự vật được trừu tượng hóa, nên vẫn giữ tính cách tư riêng của sự vật, mà lại độc hữu, nên khước từ những dị biệt khác. Chế độ độc tài, chuyên chế dễ dàng bắt tay với một ý thức hệ nào đó, vì cả hai đều đặt trên nguyên lý ĐỒNG NHẤT, đánh mất chữ TƯƠNG là chữ nối các dị biệt lại với nhau, chỉ biết $A = A$, A là A một cách trọn vẹn, không còn một mối liên hệ nào với B,C, D cũng như không còn một biến chuyển nào từ A sang A'.

Điều được hiện thực trọn vẹn ở thế giới ý niệm, nhà độc tài cũng áp dụng vào con người, mọi người phải đồng đều y hệt như nhau: tự tâm trí, óc tưởng tượng cho đến cả tiếng cười, tiếng khóc, các bản năng như ăn uống, tình dục.....đến cách thức cắt tóc, mặc áo quần, đi đứng, cái gì cũng phải đồng đều, y hệt nhau, như đóng gạch, đóng gỗ cùng một kích thước cân đo. Tất cả tạo thành một đoàn, một lũ, một thứ người đánh đồng (mass man), như thứ người dưới phố, mà ta chỉ thấy một cách hời hợt ở bên ngoài, không cần biết đến tâm tình, cảm nghĩ của họ bên trong như thế nào. Loại chế độ chuyên chế, độc tài trên cầm giữ con người lại ở đợt thứ vật, không cho thoát lên đợt trên là nhân cách, (vì gọi là nhân cách thì phải có tính cách tư riêng, tư cách), do đó 'sản phẩm' được khai sinh ra là từng loại người đồng đều, không phẩm tính, không nhân cách. Chế độ trên cũng chống đối mạnh mẽ những con người trội vượt, lấy tư cách làm tôn chỉ, thường biểu lộ bằng sáng tạo, sáng kiến, vì sáng kiến bao giờ cũng phải xuất phát từ cá nhân.

C) DỊ BIỆT TRONG THỐNG NHẤT

Tóm lại, các chế độ chuyên chế, độc tài, cũng như ý thức hệ, vì chỉ nhắm tới việc san bằng, đồng điệu hóa, ĐỒNG NHẤT hóa con người theo tiêu chuẩn của thế giới sự vật hay loài vật, nên mục tiêu họ nhắm tới chỉ là một loại thống nhất giả tạo. Lý do là một sự Thống Nhất Chân Thực đòi hỏi phải có PHỔ BIẾN tính giống như Minh Triết, tức khả năng thâm tóm mọi DỊ BIỆT trong một nền THỐNG NHẤT bao la. Nếu khuynh hướng nhắm tới cái chung, sự

thống nhất là một xu hướng tự nhiên, thì nhu cầu nhắm tới sắc thái tư riêng, dị biệt, độc đáo, cũng là một xu hướng tự nhiên khác. Thật vậy, nếu quan sát kỹ vũ trụ, vạn vật, ta có thể thấy Tạo Hóa trọng cá thể, sự dị biệt biết bao: ngay một hạt gạo ta ăn, đã thấy có trên trăm thứ, cá biển thì phải kể tự triệu giống trở lên, chim trời cũng có cả hàng trăm ngàn thứ, không hề đồng đều. Có những cái mới coi tưởng như đồng đều như cá thể trong cùng một loại, thí dụ cả triệu con chim sẻ, nhưng nếu xét cho cùng cực sẽ thấy mỗi con có cái khác với con kia, mỗi con là một cá thể không trộn lẫn được. Ấy là con vật mà còn thế, phương chi con người là giống có mầm linh thiêng đã phát triển hơn. Mà linh thiêng là đi vào đường cá thể, dị biệt cho đến cùng cực.

Vì thế ta có thể kết luận được rằng cá thể hóa, DỊ BIỆT hóa nằm ngay trong BẢN TÍNH con người. Chương trình làm nên người (Vi Nhân) phải dồn vào việc làm triển nở cùng cực cái khả năng riêng biệt mà Trời đã phú cho mình, cần được hiện thực cá thể đó trong sự hòa hợp với hoàn cảnh. Hoàn cảnh là cái dẫu của cá thể. Hoàn cảnh thành bởi không gian và thời gian, vì không bao giờ có một thời điểm và không điểm lặp lại y như nhau, nên hoàn cảnh chính là cái khung dị biệt cùng cực để giúp khám phá cá thể, đến nỗi không có hai hoàn cảnh y hệt nhau, chỉ có hoàn cảnh dị biệt đến độ không thể thay thế.(2)

Đây là lý do sâu xa giải thích tại sao Đạo Làm Người tuy là Một, mà lại không thể có một nền văn hóa đồng đều cho hết mọi dân, mọi đời?.Chỉ có một nền văn hóa đặc thù cho một nhóm người, nhóm dân, với các sắc thái đổi thay theo dòng thời gian. Và chỗ đứng của con đường trở về Hằng Tính của Dân Tộc VIỆT nằm ở đây.

D) MẪU SỐ CHUNG

Tuy nhiên, trở về Hằng Tính của Dân Tộc bằng cách học hiểu những nét đặc trưng, độc đáo của nhóm mình, dân tộc mình là nhằm tiến đến một cuộc Đối Thoại với các nhóm người khác, dân tộc khác, hầu tìm ra MẪU SỐ CHUNG để tạo nên sự Thống Nhất Chân Thực trong sự Phong Phú và Dị Biệt, trong niềm thông cảm và tương kính, chứ không nhắm tới chỗ «duy ngã độc tôn» có nguy cơ sa đọa thành cá nhân chủ nghĩa hay chủ nghĩa quốc gia, dân tộc quá khích. Hiềm

họa mà cá nhân chủ nghĩa có thể gây ra là biến những cá nhân thành những ốc đảo cô đơn, trơ trọi, dễ trở thành mồi ngon cho âm mưu đồng nhất hóa của các chính quyền độc tài, chuyên chế. Nguy cơ mà chủ nghĩa quốc gia, dân tộc quá khích có thể đem tới là cô lập hóa và nghèo nàn hóa quốc gia, dân tộc mình, dễ trở thành mồi ngon cho âm mưu đồng hóa của một đế quốc xâm lăng.

Tuyên Dương con đường trở về HẰNG TÍNH của Dân Tộc VIỆT qua việc cổ động hai bộ môn Dân Tộc học và Việt Học đích thực giúp tránh khỏi các nguy cơ, hiểm họa nêu trên vì những lý do sau đây: Các bộ môn này đề cao dân tộc và những công thể cỡ nhỏ nhằm giúp duy trì cá tính như gia đình, hội đoàn, làng xã, là những môi trường giúp cá nhân học hỏi những bài học cụ thể về hy sinh, yêu thương, và dung HÒA cái RIÊNG với cái CHUNG. Chẳng hạn, môi trường Gia Đình có thể giúp học cách dung hòa quyền lợi, hạnh phúc của cá nhân với danh dự của gia đình và người gia trưởng. Môi trường Làng Xã giúp dung hòa hạnh phúc của cá nhân, danh dự của gia đình với sự sống còn của làng xã. Và mối liên hệ LÀNG-NUỚC nhằm dung hòa Lệ Làng với Phép Nước, nét đặc trưng của làng xã với sự trường tồn của đất nước. Đó là những bài học cụ thể, sống động, được thực hiện từ từ, từng bước một, nên có nội dung chân thực giống như bốn bước «Tu, Tê, Trì, Bình» của Nho Giáo. Những con người sống trong những công thể đầy ắp tình người như trên, khó bị dẫn dụ đi vào con đường đoàn lũ hóa của các chế độ độc tài, chuyên chế. Trái lại, các chế độ chuyên chế thường coi thường gia đình, quốc gia, tôn giáo, và chỉ chú trọng đến nhân loại hay quốc tế. Lý do là nhân loại, quốc tế là những danh xưng hỏ lớn vắng bóng mọi dị biệt nên rất trừu tượng, trống rỗng, rất thuận lợi để gói ghém ý đồ chuyên chế nhằm ĐỒNG NHẤT HÓA con người.

E) PHONG PHÚ HÓA, ĐA DẠNG HÓA

Tóm lại, nhu cầu trở về HẰNG TÍNH của Dân Tộc VIỆT qua việc học hỏi về Dân Tộc Tính và Việt Tính tỏ ra cần thiết nhằm Giúp nhân loại và tiến trình Toàn Cầu Hóa tránh khỏi các nguy cơ, hiểm họa vừa nêu trên. DÂN TỘC HỌC là bộ môn nghiên cứu về đất nước và con người, về nguồn gốc cùng quá trình hình thành ra đất nước, cũng như về bản sắc và nội lực của một dân tộc, nên giúp con người

ý thức những nét dị biệt, đặc trưng, độc đáo của mỗi dân tộc, hầu đem lại sự phong phú, đa dạng cho văn hóa nhân loại, cũng như cung cấp nội dung, chất liệu Cụ Thể, Sống Động cho các danh xưng như Toàn Cầu, Thế Giới, Nhân Loại.....

F) THÔNG NHẤT BẰNG CON ĐƯỜNG VĂN HÓA

VIỆT HỌC cũng là một bộ môn Dân Tộc Học nên cũng đóng góp vào tính chất phong phú, độc đáo, đa dạng nêu trên. Ngoài ra, VIỆT TRIẾT là một nền Nhân Bản Tâm Linh tinh tuyền nhất, nên Việt Triết không chỉ dành riêng cho người Việt, mà còn có thể thích hợp CHO MỌI NGƯỜI ở mọi nơi và mọi thời. Do đó, Việt Học không chỉ làm phong phú hóa, đa dạng hóa văn hóa nhân loại và tiến trình toàn cầu hóa, mà còn chứa đựng khả thể giúp nhân loại Thống Nhất Bằng Con Đường Văn Hóa với Sứ Điệp Hòa Bình đã được ghi khắc từ muôn đời trên các Trống Đồng của Dân Tộc Lạc Việt.(3)

II) BÀI HỌC VỀ HẠNG TÍNH CỦA DÂN TỘC VIỆT

Phần trình bày trên cho thấy sự tối cần thiết của việc học biết về Hằng Tính của Dân Tộc để Giúp dự án Toàn Cầu Hóa tránh được sự Thất Bại Nã Nê của biết bao mưu định ‘Thống Nhất Thiên Hạ’ từ xưa đến nay, hầu đạt được mục tiêu tối hậu là phục vụ cho Hạnh Phúc của con người và nền Hòa Bình thế giới.

A) NỘI DUNG BÀI HỌC

Về Nội Dung, VIỆT TÍNH (hay Dân Tộc Tính của người VIỆT) gồm hai yếu tố chính cấu thành:

- Yếu tố Dân Tộc: VIỆT
- Yếu tố Văn Hóa, Văn Minh: TÍNH

Cả hai yếu tố trên bao gồm các đặc tính khiến cả hai:

- vừa là Bẩm Sinh (Innate)
- vừa là Thủ Đắc (Acquired)

dầu ở yếu tố Dân Tộc, tính Bẩm Sinh giữ vai trò căn bản, còn ở yếu tố Văn Hóa Văn Minh, xem ra tính Thủ Đắc lại có vai trò chủ yếu.

B) HẠNG TÍNH CỦA DÂN TỘC VIỆT

1) YẾU TỐ DÂN TỘC

Trong yếu tố DÂN TỘC, thành tố quan trọng nhất phải tiến hành khảo sát đầu tiên là

a) CẤU TRÚC DI TRUYỀN

Chúng ta biết: ” Những tế bào của mọi động vật cũng như thực vật đều chứa yếu tố DNA, ví như một bản thiết kế, giúp cuộc sống được lưu truyền từ đời nọ đến đời kia. DNA tạo nên ‘gene; và chính các ‘gene; đã mang tín hiệu làm cho muôn loài, từ thực vật, động vật đến con người có được cái sắc thái đặc biệt như mắt xanh, da nâu.....»

“Các nhiễm sắc thể DNA trong ‘gene’ của mỗi giống người như trên là một HẰNG TÍNH. Một khi đã cấu thành, nó tồn tại vĩnh viễn trong con người hay mọi chủng loại động vật, thực vật và di truyền mãi mãi cho các thế hệ về sau”.

Vậy nhiễm sắc thể (DNA) là một Hằng Tính, là cái Căn Cước Tính bẩm sinh của một dân tộc. Cái căn cước tính này sẽ bất biến, sẽ không thay đổi cho đến khi có sự gặp gỡ đưa vào cơ thể con người các yếu tố đặc biệt (như một vài vi khuẩn, tia cực tím do ánh mặt trời đến một mức nhất định hoặc vài loại chất độc hay khoáng sản và phóng xạ nguyên tử!) khiến con người hội đủ yếu tố để tạo thành một đột biến di truyền tự nhiên mà khoa học gọi là ‘spontaneous point of mutation’.» Trong trường hợp đó, nhiễm sắc thể thay đổi sẽ làm con người cũng thay đổi theo có thể về hình dạng, về màu da, về râu tóc, về sức khỏe, bệnh tật..... cả về sự thông minh, về tác phong thiên hướng như thiện hay ác, nghiện rượu, đa sát hay hiền lương, quân tử ! Và nhiễm sắc thể đổi mới này, một khi đã lập thành lại trở thành một HẰNG TÍNH, một Căn Cước Tính MỚI, như trên đã nói, tồn tại vĩnh viễn trong con người và lưu truyền mãi mãi cho các thế hệ mai sau cho đến khi gặp được kỳ duyên có sự đột biến di truyền mới”.

Bản chất sinh học của một dân tộc có một lịch sử lâu dài nhiều ngàn năm, trải qua nhiều thăng trầm như dân tộc Việt Nam thì không chỉ BẨM SINH mà chắc chắn còn có sự đóng góp của những THỦ ĐẮC là kết quả của sự Đột Biến Di truyền của các Di Thể với Môi Sinh trong con đường Tiến Hóa nữa.

b) SỰ HÌNH THÀNH DÂN TỘC

Về Hạng Tính, sau yếu tố Di Truyền, sự HÌNH THÀNH Dân Tộc cũng đóng một vai trò rất quan trọng. Thật vậy, tùy theo từng lý thuyết về sự cấu thành dân tộc, ta sẽ có một Căn Cước Tính của dân tộc đó khác biệt. Từ trước đến nay đã có nhiều lý thuyết về nguồn gốc dân tộc Việt Nam. Tựu trung ta có thể quy về 3 mô thức:

Mô Thức I: Cho người Việt là hậu duệ của người từ phương Bắc: Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, L'Arousseau, Trần Trọng Kim, Đào Duy Anh.

Mô Thức II: Cho người Hắc chủng ở hải đảo vào đất liền, lai giống với người Mongoloid vốn từ phương Bắc đi xuống, là tổ tiên của người Việt. Mô thức này được nhiều Giáo sư Đại học Hà Nội như Phạm Huy Thông chủ trương. Gs Nguyễn Khắc Ngữ ở miền Nam trước kia cũng có ý kiến tương tự.

Mô Thức III: Nhưng có lẽ phải đảo ngược lại kết luận của hai mô thức vừa nêu trên thì mới đi sát lại Sự Thật theo Khoa Học ngày nay. Thực ra, nếu chấp nhận con người Hiện Đại (Homo Sapiens) trên địa cầu này đều cùng một nguồn gốc duy nhất như khoa học đã chứng minh gần đây, thì người Đông Phi Châu trên đường di chuyển về phương Đông đã đến Đông Nam Á trước khi lên Đông Bắc Á và ra Hải Đảo Thái Bình Dương.

Nói cho sát sự thực thì mô thức I không phải hoàn toàn sai. Nhưng mô thức này chỉ nói lên được cái giai đoạn sau từ khi có sự bành trướng của các đế quốc Tần Hán, những người thuộc Văn Hóa Hòa Bình mà Sử học gọi là Đại Tộc Bách Việt (thường là những thủ lĩnh hay những ai không chịu sự đồng hóa của nòi Hoa Hán) mới di cư về phương Nam hòa nhập với những dân đã có sẵn ở đó trước. Cao điểm của sự di cư này xảy ra nhiều lắm chỉ khoảng nửa thế kỷ trước và sau Công Nguyên.

Nhưng nhiều chục ngàn năm trước đó, khi chưa có đế quốc Tần Hán, khi đại lục Trung Nguyên mới vừa qua thời kỳ Băng hà, dân cư còn thưa thớt, thì đã bắt đầu có sự di chuyển từ Nam lên Bắc của dòng người thuộc Văn Hóa Hòa Bình của Đại Chủng Bách Việt. Như vậy,

người miền BẮC là HẬU DUỆ, người HẢI ĐẢO cũng là HẬU DUỆ của người ĐÔNG NAM Á, chứ không phải người Đông Nam Á là hậu duệ của người từ miền Bắc đi xuống hay người Hải Đảo vào đất liền rồi lai giống với người Mongoloid thuộc miền Bắc di cư xuống mà thành.

Với mô thức III này, ta sẽ có một Căn Cước Tính của người VIỆT có những đặc tính Bẩm Sinh khác hẳn với căn cước tính của những người tưởng là người Việt do các lý thuyết từ các mô thức I và II tạo nên.

Thật vậy, đã là giống người TIỀN PHONG, thì họ phải là người có:

- Óc Khai Phá để tiến bộ chứ không phải óc ỷ lại
- Óc Sáng Tạo để sống chứ không phải óc bắt chước
- Dám Đương Đầu nhận trách nhiệm, chứ không trốn tránh, nhát chết
- Dũng Mãnh Kiên Cường chứ không bệnh hoạn, yếu hèn (4)

2) VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA VĂN MINH

Yếu tố thứ hai tạo nên HẰNG TÍNH của một dân tộc là VĂN HÓA VĂN MINH. Ở đây, vấn đề là Tìm Ra Trong Những Yếu Tố Không Đặc Thù, tức ở đâu cũng có, những NÉT ĐẶC THÙ làm nên Căn Cước Tính của một dân tộc là những gì mà Dân Tộc liên hệ THỦ ĐẮC được trong quá trình tiến hóa qua các tác động của con người với môi sinh được thấy chẳng hạn với

a) VĂN MINH VIỆT qua bốn phạm trù : TỪ, TƯỢNG, SỐ, CHẾ

TỪ: có nghĩa là từ ngữ, lời văn, lời nói. Thí dụ như những truyện tích cổ xưa, các văn ca dao, các câu tục ngữ, những lời nói truyền miệng trong dân gian.

TƯỢNG: như hình ảnh, nét vẽ, dấu vết ghi lại cảm xúc, ý thức, cuộc sống, ước vọng tâm linh.....qua các hoa văn trên các di vật đồ sứ, đồ gốm, đồ đồng cổ xưa. Hoặc ngay trong các vật dụng thường ngày như cán dao, hòn sỏi.....mà khảo cổ đã tìm được.

SỐ: Các số 2,3,5 có đầy khắp trong khảo cổ hay ngay trong ca dao như:

«Ai về đường ấy hôm mai
Gửi dăm (5) điều nhớ, gửi vài (2) điều thương.»

Hay:

«Cưới em quan tám tiền cheo,
Quan NĂM tiền cưới lại đèo bông cau»

CHẾ: là nề nếp sinh hoạt, thói tục, thể chế nơi đời sống gia đình, làng xóm, xã hội. Chế còn là thuần phong, là mỹ tục, là lễ nghĩa ràng buộc mỗi cá nhân trong xã hội với nhau.(5)

b) VĂN HÓA VIỆT qua Ý NGHĨA ẨN TÀNG

Tuy nhiên, qua bốn phạm trù nêu trên, nếu chỉ dừng ở đợt VĂN MINH Hiện Tượng Hữu Hình, thì khó nắm bắt được HẰNG TÍNH hay các Nét Đặc Thù của dân tộc VIỆT. Lý do là dân tộc nào cũng có suýt soát như nhau các yếu tố Từ, Tượng, Số, Chế. Muốn nắm bắt được các Nét Đặc Thù của VIỆT TÍNH, theo tinh thần Cơ Cấu Luận (Structuralisme), phải biết vượt qua đợt Văn Minh Hiện tượng, Vật Lý, Lý Trí, Ý Thức bên ngoài để đào sâu vấn đề đến tận đợt VĂN HÓA Siêu Trần, Vi Thể, cõi Tiềm Thức, Vô Thức nhằm nắm bắt CƠ CẤU (Structures) nằm sâu trong lòng sự vật gồm những mối Liên Hệ, Tương Quan có tính cách Vô Hình ẩn tàng trong các yếu tố Văn Minh Hữu Hình nêu trên.

3) CÁC NÉT ĐẶC THÙ CỦA VIỆT TÍNH

Như đã đề cập ở trên, về khía cạnh SỐ chẳng hạn, ta có thể tìm thấy các số 2,3,5 ‘lu bù’ trong nền Khảo Cổ VIỆT và nhiều địa hạt khác nữa. Mà các số 2,3,5 cũng là nét Đặc Trưng của KINH DỊCH với các thuyết Âm Dương (2), Tam Tài (3), Ngũ Hành (5). Điều này cũng phù hợp với Chủ Thuyết VIỆT NHO của Cổ Triết Gia Kim Định được kiện chứng với những khám phá mới nhất của Khoa Học ngày nay là:

-Bách Việt vào đất Trung Hoa trước Hoa tộc, và do đó
-Đặt nền móng đầu tiên cho Nho Giáo

Hệ quả là nếu người phương BẮC là HẬU DUỆ của người VIỆT, thì KINH DỊCH, cuốn Kinh Nền Tảng của Nho Giáo, trước tiên là của người VIỆT với các nét:

a) SONG TRÙNG LƯƠNG HỢP

Nét SONG TRÙNG (số 2) nói đây là hai gạch song song gặp thấy khắc vào những viên đá cuội tìm được ở Bắc Sơn (tỉnh Thái Nguyên) phổ cập đến độ đã được coi như dấu chỉ của nền văn hóa Đông Nam Á xưa, cũng như của cả nền văn hóa Việt Nho sau này. Tới di chỉ Phùng Nguyên thì nét trên thành hoa văn chỉ đạo, rồi đến Đông Sơn thì càng trở nên nổi bật với vô số vòng song song chạy quanh đồ vật và nhất là cả quanh tượng người nữa, cũng như với các cặp đôi tràn ngập cả vật lẫn người.

Thế là đã đủ lý do khiến nét Song Trùng trở thành một Hấng Tính của dân tộc VIỆT được móc nối với một Hấng Tính khác là nét Lương Hợp của biết bao Truyền Thuyết và Huyền Thoại thường đi cặp đôi như giữa:

Đất với Nước, Chim với Rồng, Cái với Đực, ông Đùng với bà Đà?

Đó là nét vừa xuất hiện rất nhiều vừa thâm sâu đến độ trở thành VẬT BIỂU của Nước, của Người dưới danh hiệu TIÊN RỒNG.

Điểm đặc sắc ở đây là không có một nước nào khác trên thế giới có Vật Biểu đi đôi như thế, mà tất cả chỉ là một: Ấn Độ là con Voi, Pháp là con Gà, Đức là Chim Ưng, Anh là Sư Tử, Tàu trước Hồ sau Rồng.

Ở nền văn hóa Lương Hà mà Perse là đại diện cuối cùng, thì không thấy Lương Hợp, mà chỉ có Độc Trụ hay Cặp Đôi Đối Chọi: Sáng chọi Tối, Thần Lành Thần Dữ tranh đấu liên tục. Nét MỘT CHIỀU là nguyên nhân của sự sụp đổ của Lương Hà.

Sang đến Hy Lạp cổ đại thì nét Một Chiều được công thức thành NHỊ KHÁNG THUYẾT (Dualism) theo nghĩa Chọn Một Bỏ Một, chọn Nước bỏ Lửa, chọn Hữu bỏ Vô, chọn Tâm bỏ Vật hay ngược lại?.

Bên Ấn Độ cũng đấu tranh theo kiểu đó như hiện lên rõ trong việc chim Đại Bàng (Garuda) ăn thịt loài Rắn (Naggi), chứ không có chuyện Chim Trời giao thoa với Thủy Tộc như ở Lạc Việt.

Nét SONG TRÙNG LƯƠNG HỢP, một HẰNG TÍNH của Việt Tộc đã được Khoa Học ngày nay kiện chứng ban đầu là với hai giây Nóng Lạnh của Điện Lực, rồi hai cực Tiêu Tích của Từ Khí, sau là Proton-Electron trong Nguyên Tử. Và cuối cùng bắc cầu qua Triết là thuyết Tương Đối của Einstein mà tinh hoa là Không-Thời- Nhất-Phiến, tức Đúc Không Gian và Thời Gian thành MỘT(Space-Time-Continuum) (6)

Con Dân VIỆT nhờ được tô tạo lâu ngày trong tinh thần Kinh Dịch với thuyết Tiên-Rông, Âm-Dương nên đem đức tính THÍCH NGHI lên hàng đầu để đặt thành một KINH, do đó có được sự Mềm Dẻo, Uyển Chuyển giúp Thâu Hóa được các nền Văn Hóa Tôn Giáo khác nhau như Nho-Lão-Phật, rồi Thiên Chúa Giáo...Và các đức tính Thích Nghi, Mềm Dẻo, Uyển Chuyển, Thâu Hóa.....đã trở thành những HẰNG TÍNH của Văn Hóa VIỆT.

b) NHÂN CHỦ TÍNH

Ngoài đức tính Thích Nghi, với thuyết TAM TÀI (số 3), Dịch Lý còn đặt Con NGƯỜI như một TÀI ngang hàng với TRỜI cùng ĐẤT, nên cũng gọi là ‘Tham Thông’ tức cả ba Tài đều tham dự: nếu Trời làm, Đất làm thì Người cũng làm nên gọi là NHÂN CHỦ, được biểu thị qua những câu như :

“Có Trời thì cũng có Ta” hay
“Xưa nay Nhân định thắng Thiên cũng nhiều”.

Nhờ tinh thần NHÂN CHỦ nêu trên, ở thời xa xưa, nếu các dân tộc khác chỉ có Thần Thoại ở trong đó Thần làm Chủ, thì Việt Tộc lại có NHÂN THOẠI ở đây con NGƯỜI làm CHỦ, như chuyện Ông Bàn Cổ biểu hiệu con người Đại Ngã Tâm Linh với việc Ông giữa vai trò Chủ Động bằng cách tham gia vào việc Kiến Tạo ra Vũ Trụ. Không phải kiến tạo ra vũ trụ từ Không đến Có, vì trước Ông Bàn Cổ đã có cảnh Thái Hoang rồi. Nhưng theo nghĩa Nhân Chủ trong Văn Hóa,

tức con người nắm phần Xếp Đặt vũ trụ thế nào để con Người Làm Chủ Những Ý Nghĩa Trong Vũ Trụ.

Về Nguồn Gốc số 3 trong TAM TÀI, thì chúng ta thấy bằng chứng tràn ngập trong Khảo Cổ VIỆT. Trước hết là con «thiềm thừ» cóc trời chỉ có 3 chân. Rồi ta lại gặp chim 3 chân, cả chim 3 mình nữa. Tới những cái chạc tìm được trong các mộ ở Phùng Nguyên bao giờ cũng thấy đi bộ 3. Người ta suy đoán rằng tục lệ vái 3 cái, đốt 3 nén hương, bàn thờ có 3 bậc, đánh 3 hồi trống.....đã có mãi từ thời đó.(7)

Các chứng cứ nêu trên trong các địa hạt khác nhau như trong Triết lý qua thuyết Tam Tài với vai trò của tài Nhân như gạch nối giữa hai tài Thiên và Địa, như trong ca dao, tục ngữ với vai trò Chủ Động của con người, như trong sự kiện Việt Tộc là dân tộc duy nhất có Nhân Thoại nơi đây con Người làm Chủ, trong Khảo cổ VIỆT với ‘lu bù’ số 3, tất cả điều trên đều xác nhận rằng NHÂN CHỦ Tính được biểu bằng số 3 là một HẰNG TÍNH của VIỆT Tộc .

Về phương diện XÃ HỘI, truyền thống KÍNH TRỌNG TUỔI GIÀ cũng là hậu quả của số 3. Muốn hiểu liên hệ nêu trên, phải trở về câu đố mà chúng ta thường nghe hỏi nhỏ: “Sớm đi 4 chân, Trưa đi 2 chân, Chiều đi 3 chân, Đêm đi 8 chân. Đố biết là gì?”. Trong câu đố trên, số 3 chỉ lúc Tuổi Già phải chống gậy làm thành chân thứ 3, nên các cụ xưa thường được gọi là Lão Trọng (‘Trọng’ là ‘gậy’).

Nhưng theo Tâm Linh Sử Quan, thì GẬY trở nên tiêu biểu cho MINH TRIẾT hay nói nôm na là Kinh Nghiệm Sống mà nơi quy tụ là người sống trước quen gọi là Tiên Nhân hay Tiên Nhơn hoặc TIÊN. Đó cũng là nền tảng cho truyền thuyết Gậy Thần của Hùng Vương. Ngoài ra, các TIÊN cũng thường xuất hiện với cây GẬY trong tay là nằm trong bầu khí đề cao Kinh Nghiệm Sống, Kính Tuổi Già (8)

Như vậy số 3 được móc nối bằng hình ảnh cây GẬY biểu hiệu cho MINH TRIẾT và Kinh Nghiệm Sống, với truyền thống Kính Trọng Tuổi Già cũng đã trở thành một HẰNG TÍNH của văn hóa VIỆT.

c) THÁI HÒA

Tuy đề cao NHÂN CHỦ Tính nhưng Triết VIỆT không có tính chất DUY NHÂN (Anthropocentrism) như một trường phái Triết học Tây Phương thời xưa chủ trương. Lý do là Văn Hóa VIỆT không dừng ở con người Cá Nhân, Tiểu Ngã, mà vươn lên tới con người ĐẠI NGÃ TÂM LINH nên có khả năng «Hòa Trời, Hòa Đất, Hòa Người», do đó đạt được Đạo THÁI HÒA.

Một khi nói đến chữ HÒA thì phải hiểu là có HAI BÊN. Vì có HAI mới có thể Hòa Hợp Đối Đáp. Khi nói HÒA đạt đến độ cùng tột, tức THÁI HÒA, thì phải có khả năng đi vào hết mọi tác động, mọi sự vật, nên quen biểu thị bằng hai chữ TRỜI ĐẤT dùng để chỉ Hai ĐỐI CỰC của tất cả mọi hiện tượng từ lớn như Trời-Đất, Sáng-Tối, Cứng-Mềm đến nhỏ như Đực-Cái, Nam-Nữ, rồi đến mọi sự việc ở Đời phải giàn hòa được hai đối cực.

Trong truyện HÙNG VƯƠNG, hai đối cực xuất hiện trong hình thái TIÊN-RỒNG, Non-Nước hoặc Núi-Sông. TIÊN ở trên Trời biểu thị bằng Non, RỒNG ở dưới Nước biểu thị cho Đất. Huyền Sử VIỆT có nói đến chuyện Âu Cơ (hay TIÊN) và Lạc Long Quân (hay RỒNG) gặp nhau ở Cánh Đồng TƯƠNG là nói đến hai lực ngược chiều ÂM-DƯƠNG nằm ở trong thể Hòa Hợp Linh Phối đó để sinh ra được HÙNG VƯƠNG, tức con Người đứng cõ NGƯỜI, Tự Cường Tự Lực.

Bản chất THÁI HÒA, một HẰNG TÍNH của Văn Hóa VIỆT còn được thể hiện qua quan niệm sống Dĩ Hòa Vi Quý, “qua nếp sống trọng tình nghĩa nơi chốn làng quê, nơi sự tương nhượng trong quan hệ gia đình, thân tộc, xóm làng. Câu tục ngữ ‘HÒA CẢ LÀNG’ mới thấm đượm cái tình quê, người quê hòa ái biết bao! Bản Chất Thái Hòa của dân tộc dấu chỉ rõ nơi sự kính ngưỡng các niềm tin tôn giáo thiêng liêng, để Hòa Hữu Hạn với Vô Biên, để Hợp Tương Đối cùng Tuyệt Đối. Đó cũng là lý do tinh thần ‘Tam giáo Đồng Nguyên’ trôi vượt thời Lý Trần thanh bình. Cũng như Văn Hiến Nguyễn Trãi đã trải lòng viết nên Hồn Dân Tộc sau buổi ‘Bình Ngô’ ‘Lấy Đại Nghĩa thắng hung tàn, mang Chí Nhân thay cường bạo’ “(9)

d) TÂM LINH

Ngoài các HẰNG TÍNH vừa nêu trên như: Song Trùng Lương Cự, Nhân Chủ, Thái Hòa, một nét Đặc Trưng khác của Văn Hóa VIỆT là tính chất TÂM LINH được biểu hiệu bằng số 5, mà ta có thể tìm thấy chẳng hạn trong cách đặt BÀI VỊ trong tục Thờ Cúng Tổ Tiên.

TRIẾT LÝ GIA TIÊN

Thật ra, trong các xã hội xa xưa, đâu đâu cũng có việc thờ cúng tổ tiên, chứ không riêng gì bên Viễn Đông hay Việt Nam. Thế nhưng nếu chúng ta chịu quan sát học hỏi nghiêm túc thì sẽ thấy một sự khác biệt quan trọng, quan trọng đến độ khiến cho LỄ GIA TIÊN trở thành một HẰNG TÍNH của dân tộc VIỆT để được duy trì cho đến ngày nay và do đó duy trì luôn nền văn minh Việt Nam và Viễn Đông suốt trên 50 thế kỷ, trong khi nền văn minh cổ đại La-Hy cũng như rất nhiều nền văn hóa khác đã sụp đổ, kéo lùi theo cả sự thờ cúng tổ tiên vào năm mồ đô thị cổ xưa (cité antique).

Sự tồn tại hay sụp đổ của một nền văn minh là chuyện lớn lao. Nó không hệ tại nơi sự thờ cúng tổ tiên, nhưng ở chỗ THỜ CÁCH NÀO? Và chính ở điểm này mà có sự khác biệt căn bản giữa một bên Việt Nam và Viễn Đông và bên kia các nền văn minh khác. Điều khác căn bản là bên Viễn Đông có một Bài Vị gọi là VẤN TỔ để giữa 4 Bài Vị của Cao, Tăng, Tổ, Ni, xếp theo khung NGŨ HÀNH, nghĩa là đặt ở 4 phương, còn Trung Cung dành cho VẤN TỔ.

Chính sự xếp đặt này nói lên một cuộc Cách Mạng vĩ đại vì đã biến đổi ‘Thờ Cúng Ông Bà’ theo kiểu Ma Thuật (như tin ông bà về ăn của dâng) để vươn lên đọt TÂM LINH gọi là Lễ Gia Tiên mà ý nghĩa cao nhất là THỜ NHÂN TÍNH, và chỉ ở đọt này mới có lối xếp Bài Vị theo cơ cấu Ngũ Hành.

Triết lý Ngũ Hành hệ tại mỗi Hành được móc nối với Trung Cung Hành THỔ mới có đủ LINH ỨNG: Thủy, Hỏa, Mộc, Kim đều phải đi qua Hành THỔ mới trở thành LINH NGHIỆM.

Trong việc Thờ Cúng Tổ Tiên cũng thế, không được chỉ biết có Cha, Ông, Tăng, Tổ của mình, nhưng phải vươn tới TỔ TRÊN HẾT CÁC TỔ, cực Tinh Ròng gọi là VẤN TỔ (The Perfect Ancestor) rất Linh Thiêng nên có tính cách PHỔ BIẾN như TRỜI cùng ĐẤT.(10)

CÁCH MẠNG HIỆN THỰC

Việc Thờ Cúng Tổ Tiên có ảnh hưởng như thế nào trên phương diện XÃ HỘI và CHÍNH TRỊ ?

“Xưa kia bên La-Hy cũng như bên Trung Hoa cổ đại chỉ hàng Quý Tộc mới có quyền Thờ Cúng Tổ Tiên, (vì theo họ chỉ có tổ tiên họ mới đáng được thờ, bởi thuộc máu Thần Linh). Điều này rất quan trọng, vì có quyền cúng tế tổ tiên, tức là cũng có quyền công dân với các quyền lợi theo sau như được hưởng đất, mua sắm, đi học, làm quan.....vì thế phái quyền quý không chịu mở rộng việc Tế Gia Tiên. Số người được cúng chỉ suýt soát hai mươi phần trăm. Tuy chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ, nhưng nhờ vào sự ăn học, sự khôn khéo của họ cũng như trình độ vô học của đại chúng mà họ nắm được điều khiển trong nước. Nhưng đến một lúc nào đó khi tâm thức con người đã được khai mở đủ thì dần dần nhận chân ra sức mạnh của mình, cũng như những đặc ân của phái quyền quý, và rõ ràng những đặc ân này chỉ dựa trên những lý lẽ huyền hoặc. Đã thế, giới cai trị lại bị yếu dần do sự phân tán vì ý hệ giằng co giữa Hữu với Vô, nên sự nhất trí yếu đi và dần dần ảnh hưởng lan sang phạm vi xã hội, để rồi cuối cùng gây nên sự sụp đổ của xã hội như Ai cập, Babylon, Assyrie, Mesopotamie, Khmer.....Theo Gs Creel cả thảy hơn 20 nền văn minh đã sụp đổ như thế, còn lại nền văn minh Viễn Đông là duy nhất tồn tại.

Vì không có cách mạng (révolution) nên bên Việt Nam và Viễn Đông, Lễ GIA TIÊN vẫn còn, nhưng đã biến hóa (évolution), nghĩa là thay đổi nền tảng: thay vì đặt ở sự tin có linh hồn tồn tại vẫn gắn liền với huyết thống, thì đặt sang nền mới là VĂN TỔ, tức TỔ của Nhân Loại, của mọi người. Do đó, hễ ai là Người thì đương nhiên có đủ quyền đứng ra TẾ GIA TIÊN. Vì nhờ quan niệm rộng rãi đó nên ai cũng như ai, đều có quyền làm người, bất cứ gia đình nào cũng có quyền lập bàn thờ tổ tiên. Lễ Gia Tiên từ đây hết còn là đặc ân dành riêng cho Quý tộc như xưa, mà mở rộng cho khắp mọi tầng lớp với các quyền lợi đi kèm theo như quyền được đặt tên tự, và do đó quyền được hưởng công điền, quyền được đi học, đi thi làm quan”.(11)

Tóm lại, nhờ thực hiện được cuộc CÁCH MẠNG TÂM LINH đích thực mà Văn Hóa VIỆT đã nâng tục ‘thờ cúng Ông Bà’ có tính chất ‘mê tín dị đoan’ (cái PHỔ QUÁT vì ở thời xa xưa nơi nào cũng có) thành LỄ GIA TIÊN là Đạo Thờ NHÂN TÍNH (là nét ĐẶC THÙ của VIỆT TÍNH).

e) THỜ NHÂN TÍNH

Con NGƯỜI được tôn trọng, trân quý trong đồng văn của nền Văn Hóa VIỆT, đến độ được PHỤNG THỜ, là điều mà các nền Văn Hóa khác chỉ dành cho Thần Linh. Và chính quan niệm trên làm nên nét ĐẶC TRUNG của Văn Hóa VIỆT qua Tục Thờ Cúng Tổ Tiên.

Tục Thờ Cúng Tổ Tiên còn được nói rộng ra các tục khác như tục Thờ các vị ANH HÙNG Dân Tộc, Thờ QUỐC TỔ, cũng là những nét ĐẶC TRUNG khác của Văn Hóa VIỆT, vì không có nơi nào khác có những tập tục kể trên.

Quốc Tổ VIỆT có danh hiệu là HÙNG VƯƠNG hay là Vua HÙNG, trong khi vào cùng thời ở các nơi khác, người ta có Vua THẦN (God King). Ý niệm ‘Vua Thần’ phát xuất từ miền Lưỡng Hà ở giai đoạn của các nền văn minh Assyria, Perse. Người Ai Cập xưa chẳng hạn tin chỉ một mình VUA có Linh Hồn nên có thể thay thế cho THẦN để mà nắm cả Quyền ĐỜI lẫn Quyền ĐẠO. Tuy nhiên, đó chỉ là trường hợp thái thậm, còn thông thường hơn như ở bên Tây Phương thời Trung Cổ, nhà VUA chỉ còn đại diện cho Quyền ĐỜI, còn giới TU TẾ thì nắm giữ Quyền ĐẠO. VUA dựa trên Quân Đội, còn TU TẾ thì dựa trên Thần Quyền, cả hai giôn lại một thì thành nhà CHUYỀN CHẾ có đủ quyền lực để Nô Lệ Hóa người Dân cả Thân lẫn Tâm.

Tuy nhiên, bên cạnh Quyền bính võ Lực của Vua Thần, lại có một loại UY QUYỀN khác dựa trên Tài Đức của các vị ANH HÙNG như Vua HÙNG của đất VIỆT. Đây là những VỊ có khả năng làm những việc VĨ ĐẠI bằng một thứ Quyền Uy Siêu Vượt rất Mầu Nhiệm, tương đương với Thần Quyền nhưng không đặt nơi Thần Linh mà nơi chính CON NGƯỜI.

Nếu Vua THẦN dùng Quyền Lực để Thống Trị và Nô Lệ hóa con người trong các nền văn minh Du Mục như Tây Phương và Ấn Độ, thì Vua HÙNG trái lại dựa trên Tài Đức để Cai Trị nhằm điều hợp công tác chung và nhất là xuất hiện như GƯƠNG MẪU cho mọi con dân trong nền văn minh Nông Nghiệp của Lạc Việt.

Để đối chọi với tính chất Võ Biền của Vua THẦN, Vua HÙNG có thể được xem là các Vị Anh Hùng VĂN HÓA của dân tộc VIỆT, vì Công Nghiệp của các Ngài toàn là những việc thuộc Văn Hóa TÂM LINH Cao Cả, mà nói một cách bóng bẩy là của Con NGƯỜI Đại Ngã nối được TRỜI cùng ĐẤT như trong truyện Bánh Giày TRÒN, Bánh Chung VUÔNG, hay truyện Thánh Dóng, truyện Trầu Cau.....(12)

Do đó, nói theo ngôn ngữ NHO, HÙNG VƯƠNG xứng đáng là Quý Tử của ‘Long Phụ Tiên Mẫu’, còn nói theo VIỆT, Vua HÙNG là Con Cung của ‘Mẹ Tiên Cha Rồng’ !

Tóm lại, từ Hạng Tính ‘Thờ Cúng Tổ Tiên’, Văn Hóa VIỆT nói rộng ra các HẠNG TÍNH khác như ‘Thờ Anh Hùng Dân Tộc’, ‘THỜ QUỐC TỔ’.

Nhưng như đã nói ở trên, nhờ áp dụng Triết Lý Ngũ Hành vào việc sắp xếp Bài Vị trong việc Thờ Cúng Tổ Tiên, nền Văn Hóa VIỆT đã thực hiện được cuộc Cách Mạng Tâm Linh nhằm biến đổi tục thờ cúng Ông Bà kiểu Ma Thuật thành LỄ GIA TIÊN, tức đạo THỜ NHÂN TÍNH qua sự hiện diện của Bài Vị thứ Năm nằm ở Trung Cung hành THỜ gọi là VĂN TỔ. Do đó, Văn Hóa VIỆT không dừng lại ở Cha, Ông. Tằng, Tổ của mình mà còn vươn tới VĂN TỔ tức Tổ Chung của cả Nhân Loại.

Hệ quả là từ Hạng Tính ‘Thờ Cúng Tổ Tiên’, Văn Hóa VIỆT không chỉ nói rộng ra các Hạng Tính khác như ‘Thờ Anh Hùng Dân Tộc’, THỜ QUỐC TỔ, mà còn nhắm đến Hạng Tính Tối Hậu qua việc THỜ VĂN TỔ, tức Tổ của Văn Hóa, Tổ của Nhân Loại, TỔ TRÊN HẾT CÁC TỔ.

Lê Việt Thường

CHÚ THÍCH

- (1)& (3) Lê Việt Thường, ‘Việt Học trong Xu Hướng Toàn Cầu Hóa’, Tư Tưởng Việt, 2003, tr.10 – 13
- (2) Kim Định, ‘Phong Thái An Vi’, An Việt Houston, 2000, tr.86-90
- (4) Cung Đình Thanh, ‘Góp Ý Xây Dựng Căn Cước Tính VN’, Tư Tưởng 27-28, th.9/2004, tr.2 – 10
- (5) Đông Lan, ‘Huyền Sử Hồng Bàng với Tâm Thức Lương Hạp’, Chương Trình Phát Thanh ‘Tìm Hiểu Triết Việt’, tại Houston, Little Saigon Radio, 09-2006.
- (6) Kim Định, ‘Kinh Hùng Khải Triết’, Thanh Niên Quốc Gia, USA, tr.17 – 21
- (7) Idem, tr.39 – 48
- (8) Idem, tr. 49- 50
- (9) Đông Lan, ‘Tìm Hiểu Triết Việt’, Tập I.
- (10) Kim Định, ‘Hòn Nước Với Lễ Gia Tiên’ Nam Cung, HK, 1979, tr.27 – 31
- (11) Idem, tr. 41 – 43
- (12) Kim Định, ‘Hùng Việt Sử Ca’, Thăng Mõ, 1984, tr.188 – 198.